

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Địa chính về kết quả Tổng kiểm kê đất đai toàn quốc năm 2000 (Tờ trình số 125/TT-TCĐC ngày 06 tháng 2 năm 2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 21. Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 10 năm 1991.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 22. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

TM. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 24/2001/QĐ-TTg ngày 01/3/2001 về việc phê duyệt kết quả Tổng kiểm kê đất đai năm 2000.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đất đai ngày 11 tháng 12 năm 1999;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục

Điều 1. Phê duyệt kết quả Tổng kiểm kê đất đai toàn quốc năm 2000 thực hiện theo Chỉ thị số 24/1999/CT-TTg ngày 18 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ:

Tổng diện tích tự nhiên cả nước có: 32.924.061 ha.

Bao gồm:

- Diện tích đất nông nghiệp: 9.345.346 ha;
- Diện tích đất lâm nghiệp có rừng: 11.575.429 ha;
- Diện tích đất chuyên dùng: 1.532,843 ha;
- Diện tích đất ở: 443.178 ha;

- Diện tích đất chưa sử dụng và sông, suối, núi đá: 10.027.265 ha.

(Số liệu chi tiết theo biểu thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2000 toàn quốc và các tỉnh kèm theo Quyết định này) (*).

Điều 2. Số liệu kết quả Tổng kiểm kê đất đai năm 2000 toàn quốc và của từng đơn vị hành chính các cấp đã xác định trong kiểm kê được sử dụng thống nhất trong cả nước trong giai đoạn 2001- 2005; hàng năm, Tổng cục Địa chính và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thống kê định kỳ để cập nhật những thay đổi trong quá trình sử dụng.

Điều 3. Kết quả Tổng kiểm kê đất đai năm 2000 được thống nhất sử dụng làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp nghiên cứu tính toán các chỉ tiêu kế hoạch và hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung; quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên đất nói riêng và các mục đích có liên quan.

(*). Không in biểu thống kê.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Địa chính, các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả kết quả đã kiểm kê.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 27/2001/QĐ-TTg ngày 08/3/2001 về điều tra lao động - việc làm hàng năm (giai đoạn 2001 - 2005).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;

Để triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp về lao động - việc làm giai đoạn 2001 - 2005 và cung cấp căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch hàng năm, 5 năm về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm giai đoạn 2001 - 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành điều tra mẫu hàng năm (giai đoạn 2001 - 2005) về lao động - việc làm ở thành thị và nông thôn trên phạm vi cả nước.

Nội dung điều tra gồm:

1. Các đặc trưng cơ bản về nhân khẩu, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động.

2. Thực trạng việc làm, cơ cấu việc làm của lực lượng lao động.

3. Thực trạng thất nghiệp, cơ cấu của lao động thất nghiệp.

4. Thực trạng thiếu việc làm, cơ cấu của lao động thiếu việc làm.

5. Tác động của các chính sách và giải pháp về lao động - việc làm.

Điều 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm xây dựng phương án, tổ chức thực hiện cuộc điều tra và công bố kết quả vào quý IV hàng năm.

Điều 3. Kinh phí cho cuộc điều tra lao động - việc làm hàng năm được trích từ Quỹ của Chương trình quốc gia về việc làm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM